VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 324/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH
Về chính sách tài chính trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2014/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách tài chính trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 18, Điều 19, Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 31 của Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 222/2025/QH15) về chính sách tài chính trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Thành viên).

2. Các nhà đầu tư.

3. Các cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam được quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Bảo hiểm nhân thọ là loại hình bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết.

2. Bảo hiểm phi nhân thọ là loại hình bảo hiểm cho những thiệt hại về tài sản và những tổn thất khác hoặc trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba.

3. Bảo hiểm sức khỏe là loại hình bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật, tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc chăm sóc sức khỏe.

4. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là hình thức chào bán cổ phiếu theo một trong các phương thức sau đây:

a) Chỉ chào bán cho nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, nhà đầu tư tổ chức là Thành viên và dưới 100 nhà đầu tư cá nhân nước ngoài;

b) Chỉ chào bán cho nhà đầu tư tổ chức nước ngoài và nhà đầu tư tổ chức là Thành viên.

5. Chuẩn mực quốc tế về kế toán là các chuẩn mực do Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành, bao gồm: Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS), Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), các hướng dẫn của Hội đồng diễn giải Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRIC) và của Thường trực hội đồng diễn giải Chuẩn mực kế toán quốc tế (SIC).

6. Doanh nghiệp bảo hiểm là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Nghị định này để kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe.

7. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 3 Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

8. Huy động vốn cộng đồng bằng cổ phần (equity crowdfunding) (sau đây gọi tắt là Huy động vốn cộng đồng) là hình thức doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động vốn từ các nhà đầu tư là cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài, tổ chức trong nước là Thành viên trên nền tảng huy động vốn cộng đồng tại Trung tâm tài chính quốc tế; nhà đầu tư sẽ nhận được cổ phần sở hữu trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sau khi góp vốn thành công.

9. Nhà đầu tư chiến lược tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức trong nước là Thành viên được Đại hội đồng cổ đông hoặc cấp có thẩm quyền được quy định tại điều lệ công ty lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.

10. Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 19 Điều 3 của Luật Đầu tư.

11. Tổ chức kinh doanh chứng khoán trong nước là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán.

12. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là tổ chức được thành lập hợp pháp ở nước ngoài để thực hiện một hoặc một số nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Chương II
THÀNH VIÊN TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 4. Đăng ký, công nhận và chấm dứt tư cách Thành viên

1. Đăng ký Thành viên

a) Trường hợp nhà đầu tư đăng ký pháp nhân là Thành viên, nhà đầu tư gửi hồ sơ cho Cơ quan điều hành để thực hiện đăng ký Thành viên.

Đối với pháp nhân là doanh nghiệp thì Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 10 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

b) Nhà đầu tư khi đăng ký Thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và có lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế do Cơ quan điều hành quy định.

2. Trình tự, thủ tục đăng ký Thành viên

a) Tổ chức, doanh nghiệp gửi hồ sơ cho Cơ quan điều hành để thực hiện đăng ký Thành viên theo một trong các phương thức sau đây: Trực tiếp tại Cơ quan điều hành; dịch vụ bưu chính; Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên.

b) Cơ quan điều hành xem xét hồ sơ đăng ký Thành viên theo các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế.

c) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đăng ký Thành viên, Cơ quan điều hành tiến hành cấp Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên. Trường hợp từ

chối, Cơ quan điều hành có thông báo bằng văn bản đến tổ chức, doanh nghiệp nêu rõ lý do từ chối.

d) Hồ sơ đề nghị đăng ký Thành viên gồm: Văn bản đề nghị đăng ký Thành viên và giải trình về việc đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và có lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế do Cơ quan điều hành ban hành.

3. Trình tự, thủ tục công nhận Thành viên

a) Tổ chức, doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị công nhận Thành viên tới Cơ quan điều hành theo một trong các phương thức quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này.

b) Cơ quan điều hành xem xét hồ sơ đề nghị công nhận Thành viên theo các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

c) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị công nhận Thành viên, Cơ quan điều hành tiến hành cấp Giấy chứng nhận công nhậnThành viên. Trường hợp từ chối, Cơ quan điều hành có thông báo bằng văn bản đến tổ chức, doanh nghiệp và nêu rõ lý do từ chối.

d) Hồ sơ đề nghị công nhận Thành viên gồm: Văn bản đề nghị công nhận Thành viên và giải trình và tài liệu kèm theo về việc đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

4. Chấm dứt tư cách Thành viên

Tổ chức, doanh nghiệp chấm dứt tư cách Thành viên trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp tự quyết định chấm dứt tư cách Thành viên;

b) Thành viên không đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và không có hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại điểm b, khoản 1 của Điều này;

c) Theo đề nghị của Cơ quan giám sát khi Thành viên vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát của Cơ quan giám sát;

d) Thành viên bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên hoặc Giấy phép hoạt động đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực khác;

đ) Thành viên là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt tư cách Thành viên chỉ trong trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại Nghị định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế.

5. Trình tự thủ tục chấm dứt tư cách Thành viên

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 của Điều này, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị tự chấm dứt tư cách Thành viên, Cơ quan điều hành quyết định chấm dứt tư cách Thành viên và thông báo cho các cơ quan có liên quan.

b) Trong vòng 15 ngày trước khi quyết định chấm dứt tư cách Thành viên, Cơ quan điều hành thông báo cho thành viên bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c khoản 4 Điều này.

c) Khi chấm dứt tư cách Thành viên, tổ chức, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ với các bên liên quan phát sinh trong thời gian là Thành viên và không được hưởng cơ chế chính sách ưu đãi theo Nghị quyết số 222/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn kể từ ngày chấm dứt. Sau thời điểm bị chấm dứt tư cách Thành viên, tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Việc đăng ký, công nhận và chấm dứt tư cách Thành viên được thực hiện trên Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

7. Thành viên phải có trụ sở chính tại Trung tâm tài chính quốc tế và phải duy trì trụ sở chính trong suốt quá trình hoạt động. Thành viên đầu tư vào ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép hoạt động hoặc Giấy phép đủ điều kiện hoạt động trước khi hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế.

8. Các biểu mẫu về đăng ký, công nhận và chấm dứt tư cách Thành viên do Cơ quan điều hành ban hành.

Điều 5. Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên

1. Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên do Cơ quan điều hành xây dựng, quản lý và vận hành theo quy định tại khoản 8 Điều 10 của Nghị quyết 222/2025/QH15.

2. Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên được quản lý, vận hành đảm bảo liên thông, hiệu quả trong Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các hệ thống thông tin khác phục vụ đơn giản hóa thủ tục hành chính và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chuyên ngành đảm bảo bảo mật dữ liệu, chia sẻ hiệu quả.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng bố trí kinh phí xây dựng, phát triển, vận hành và duy trì Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên.

5. Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên phải đảm bảo các tính năng sau:

a) Đăng ký trực tuyến 24/7 với giao diện đa ngôn ngữ (tiếng Anh, tiếng Việt);

b) Tích hợp chữ ký số và xác thực đa yếu tố;

c) Theo dõi trạng thái hồ sơ theo thời gian thực;

d) Tích hợp thanh toán điện tử đa dạng.

đ) Cơ sở dữ liệu tập trung, đồng bộ, liên thông giữa 02 địa điểm Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

6. Cơ quan điều hành có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin về Thành viên trên Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên, thông tin về Thành viên bị chấm dứt tư cách thành viên thường xuyên theo thời gian thực.

Điều 6. Hoạt động đầu tư liên quan đến Trung tâm tài chính quốc tế

1. Trường hợp dự án đầu tư tại Trung tâm tài chính quốc tế của Thành viên thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư và các pháp luật khác có liên quan, Thành viên phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư trước khi thực hiện dự án và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Hoạt động đầu tư của Thành viên từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam

a) Thành viên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư như đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư khi thực hiện hoạt động đầu tư theo

hình thức thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác, đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) vào phần còn lại của Việt Nam;

b) Thành viên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Đầu tư thực hiện điều kiện và thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước khi thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác, đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) vào phần còn lại của Việt Nam;

c) Thành viên được thành lập tổ chức kinh tế tại phần còn lại của Việt Nam mà không nhất thiết phải có dự án đầu tư. Sau khi được thành lập, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

d) Tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai và pháp luật có liên quan trong các trường hợp sau đây: Tổ chức kinh tế do Thành viên thành lập và nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc thành lập với nhà đầu tư trong nước; tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trong nước thành lập và có Thành viên đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.

đ) Thành viên đầu tư vào ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài hoặc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại phần còn lại của Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

Trường hợp có yêu cầu nới lỏng điều kiện tiếp cận thị trường hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan chủ trì trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Hoạt động đầu tư từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 222/2025/QH15, các Nghị định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 222/2025/QH15 và pháp luật khác có liên quan.

4. Thành viên được quyền tiến hành các hoạt động đầu tư, kinh doanh với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam. Trước khi thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài, Thành viên phải được Cơ quan điều hành chấp thuận bằng văn bản, trừ lĩnh vực chuyên ngành có quy định khác của Nghị định này và các Nghị định khác liên quan.

Chương III
CHÍNH SÁCH THUẾ, QUẢN LÝ THUẾ VÀ KẾ TOÁN; CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Mục 1
CHÍNH SÁCH THUẾ, QUẢN LÝ THUẾ

Điều 7. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân

1. Về thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 30 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển tại Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% trong thời gian 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa không quá 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế không thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển tại Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới của doanh nghiệp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 của Điều này được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ việc thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04;

d) Doanh nghiệp hạch toán riêng thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế được ưu đãi thuế tại điểm a, điểm b khoản 1 của Điều này với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh không được ưu đãi thuế; trường hợp không hạch toán riêng được thì phần thu nhập từ hoạt động được ưu đãi thuế được xác định bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế so với tổng doanh thu hoặc tổng chi phí được trừ của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

Trường hợp có khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ đó xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng doanh thu hoặc chi phí được trừ của doanh nghiệp;

đ) Trong cùng một khoảng thời gian, nếu doanh nghiệp có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 của Điều này được hưởng ưu đãi khác với quy định tại Nghị định này thì doanh nghiệp được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế có lợi nhất theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp dự án đầu tư mới của doanh nghiệp tại năm đầu tiên phát sinh doanh thu, thu nhập được hưởng ưu đãi thuế có thời gian dưới 12 tháng, doanh nghiệp được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế (thuế suất, thời gian miễn thuế, giảm thuế) đối với dự án đầu tư ngay từ kỳ tính thuế phát sinh doanh thu, thu nhập đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được hưởng ưu đãi thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thời gian áp dụng ưu đãi thuế của dự án đầu tư mới vào kỳ tính thuế tiếp theo thì phải xác định số thuế phải nộp từ dự án đầu tư này của năm đầu tiên phát sinh doanh thu, thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả chuyển đổi kỳ tính thuế từ năm dương lịch sang năm tài chính hoặc ngược lại) thì kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp của năm chuyển đổi không vượt quá 12 tháng. Doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp mà có thực hiện chuyển đổi kỳ tính thuế thì doanh nghiệp được lựa chọn: Ưu đãi trong năm chuyển đổi kỳ tính thuế hoặc nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và hưởng ưu đãi thuế sang năm tiếp theo.

e) Trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mở rộng thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển tại Trung tâm tài chính quốc tế và địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế thì nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

2. Về thuế thu nhập cá nhân

a) Nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế, bao gồm người Việt Nam và người nước

ngoài được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công có được từ thực hiện công việc tại Trung tâm tài chính quốc tế đến hết năm 2030.

Thời gian miễn thuế tính liên tục kể từ tháng phát sinh thu nhập được miễn thuế. Trường hợp phát sinh thu nhập trong tháng thì thời gian tính miễn thuế được tính đủ tháng.

Trường hợp cá nhân vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công được miễn thuế theo quy định tại điểm này vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công khác thì số thuế thu nhập cá nhân được miễn theo quy định tại điểm này được xác định như sau:

$$\text{Số thuế được miễn trong kỳ tính thuế} = \text{Số thuế thu nhập cá nhân tính trên tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công trong kỳ tính thuế} \times \frac{\text{Thu nhập được miễn thuế từ tiền lương, tiền công tại khoản này}}{\text{Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công trong kỳ tính thuế}};$$

b) Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn vào Thành viên được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập này đến hết năm 2030.

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn quy định tại điểm này là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn vào Thành viên (bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp), trừ thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Trường hợp bán toàn bộ doanh nghiệp do cá nhân làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản;

c) Nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao được quy định tại điểm a của khoản này phải đáp ứng tối thiểu các tiêu chí, điều kiện sau đây: Có trình độ đại học trở lên hoặc chứng chỉ nghề nghiệp uy tín được công nhận bởi các tổ chức chuyên môn quốc tế; ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc, nghiên cứu hoặc giảng dạy trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Trung tâm tài chính quốc tế; hoặc đã và đang đảm nhiệm các chức danh quản

lý từ cấp phòng trở lên tại các Trung tâm tài chính quốc tế trên thế giới hoặc tại các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư hoặc tập đoàn đa quốc gia có danh tiếng;

Cơ quan điều hành xác định tiêu chí, điều kiện cụ thể đối với từng lĩnh vực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Trung tâm tài chính quốc tế. Chủ tịch Cơ quan điều hành có thẩm quyền xác định và tuyển chọn nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị thuộc Trung tâm tài chính quốc tế và các Thành viên.

3. Trường hợp doanh nghiệp, cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp khác, thuế thu nhập cá nhân khác ngoài quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế.

Doanh nghiệp, cá nhân tại Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán các loại thuế, được áp dụng chế độ ưu tiên về thủ tục hành chính trong quản lý thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc xác định thời điểm bắt đầu hưởng ưu đãi, thời gian miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

4. Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển tại Trung tâm tài chính quốc tế áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp tại khoản 1 của Điều này được quy định tại Nghị định của Chính phủ về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Điều 8. Chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng mức thuế suất và thủ tục thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Luật Hải quan số 54/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị kỹ thuật, công nghệ, giải pháp phần mềm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật thông tin, điều hành quản lý và trung tâm dữ liệu lớn của Trung tâm tài chính quốc tế, theo danh mục được Cơ quan điều hành ban hành dựa trên Danh

mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

3. Miễn thuế nhập khẩu hàng hóa để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính Quốc tế:

a) Đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính quốc tế, theo danh mục được Cơ quan điều hành ban hành dựa trên Danh mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

b) Trường hợp Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng địa bàn ưu đãi đầu tư theo pháp luật đầu tư thì hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính quốc tế được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

c) Trong cùng một khoảng thời gian, dự án đầu tư tại Trung tâm tài chính quốc tế cùng được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu tại điểm a, điểm b của khoản này thì được lựa chọn mức ưu đãi cao nhất.

4. Thông báo Danh mục miễn thuế và hồ sơ, thủ tục miễn thuế

a) Hàng hóa nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu tại khoản 2, khoản 3 Điều này thực hiện thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu (sau đây gọi chung là Danh mục miễn thuế). Nguyên tắc xây dựng, hồ sơ thông báo, thời gian, địa điểm thông báo Danh mục miễn thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

b) Hồ sơ, thủ tục miễn thuế, khai thuế khi làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và pháp luật về hải quan.

Mục 2
CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Điều 9. Thể thức áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung

1. Thành viên khi lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 222/2025/QH15 phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Áp dụng nguyên mẫu, tuân thủ hoàn toàn và tuyệt đối mà không có bất cứ điều chỉnh nào các quy định của Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung có hiệu lực tại thời điểm báo cáo khi lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Thành viên lập báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung phải áp dụng nhất quán trong ít nhất 01 kỳ kế toán năm.

c) Thành viên tự quyết định hệ thống tài khoản kế toán về số hiệu, tên gọi các tài khoản và phương pháp ghi chép nhưng phải đảm bảo phản ánh đúng bản chất các giao dịch phát sinh, tuân thủ đúng các nguyên tắc kế toán và yêu cầu của Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung đối với thông tin được trình bày và thuyết minh trên báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất.

d) Thành viên tự quyết định về biểu mẫu chứng từ kế toán, biểu mẫu sổ kế toán và biểu mẫu báo cáo tài chính sử dụng tại đơn vị nhưng phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc kế toán, yêu cầu của Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, dễ kiểm tra, kiểm soát.

2. Thành viên lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung để lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất thì không phải lập báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3. Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung là báo cáo pháp lý của đơn vị, được sử dụng để gửi các cơ quan chức năng và công khai báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nơi nhận, kỳ báo cáo và thời hạn nộp báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất

1. Thành viên phải lập và nộp báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất cho Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Kỳ báo cáo, thời hạn nộp báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 11. Trách nhiệm của Thành viên khi lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung

1. Thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung để lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thành viên áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung phải tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Khi Thành viên thay đổi chế độ kế toán, hệ thống Chuẩn mực kế toán đang áp dụng sang hệ thống Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung thì phải báo cáo lại thông tin so sánh và thuyết minh đầy đủ các thông tin theo quy định của Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung có liên quan.

4. Khi lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, Thành viên phải tuân thủ các quy định của Nghị định này và tuân thủ đầy đủ các quy định khác của pháp luật về kế toán Việt Nam. Trường hợp Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và pháp luật về kế toán Việt Nam quy định về cùng một nội dung thì thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của Chuẩn mực quốc tế về kế toán hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung.

Mục 3
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Điều 12. Chế độ tài chính đối với Thành viên hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng

Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Thành viên được lựa chọn áp dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng về chế độ tài chính hoặc thực hiện chế độ tài chính theo quy định của Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Chương IV
CẤP PHÉP THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Mục 1
ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

Điều 13. Đối tượng hoạt động

Nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán tại Trung tâm tài chính quốc tế là tổ chức kinh doanh chứng khoán trong nước và tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, được thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên để hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế dưới hình thức là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 14. Phạm vi hoạt động

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên được thực hiện các nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh; cung cấp các dịch vụ có liên quan đến các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh; cung cấp nền tảng huy động vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên có trụ sở đặt tại Trung tâm tài chính quốc tế, không được mở rộng mạng lưới hoạt động và không được chuyển địa điểm đặt trụ sở ra ngoài ranh giới địa lý của Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên không được trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp các dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ, sản phẩm tài chính và các hoạt động quy định tại khoản 1 của Điều này cho các khách hàng là tổ chức, cá nhân có quốc tịch Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân có quốc tịch nước ngoài cư trú trong lãnh thổ Việt Nam ở bên ngoài ranh giới địa lý của Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 15. Chính sách tài chính, kế toán

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên thực hiện chính sách kế toán theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

2. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên không phải hợp nhất báo cáo tài chính với báo cáo tài chính của nhà đầu tư là tổ chức kinh doanh chứng khoán trong nước.

3. Hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên được loại trừ khi tính tỷ lệ an toàn tài chính của nhà đầu tư là tổ chức kinh doanh chứng khoán trong nước.

Mục 2
CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN LÀ THÀNH VIÊN

Điều 16. Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

1. Cơ quan điều hành là cơ quan có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên. Việc nộp phí, lệ phí cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

2. Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên và bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên công ty;

b) Địa chỉ trụ sở chính;

c) Phạm vi hoạt động kinh doanh;

d) Vốn điều lệ;

đ) Thời hạn hoạt động;

e) Người đại diện theo pháp luật;

g) Tên và địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu (nhà đầu tư thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam).

3. Sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan điều hành. Hồ sơ, thủ tục đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Cơ quan điều hành.

Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 01 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan điều hành nhận được hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ. Mã số doanh nghiệp do Cơ quan điều hành cấp phải tương đương với mã số doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

4. Việc đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh doanh chứng khoán được thực hiện trên Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên. Cơ quan điều hành cập nhật thông tin về việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 17. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

Nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán được thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Nhà đầu tư là tổ chức kinh doanh chứng khoán trong nước đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có vốn điều lệ thực góp và vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán tối thiểu là 5.000 tỷ đồng;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng hàng tháng trong 03 tháng liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị đạt tối thiểu 300%. Tỷ lệ vốn khả dụng dự kiến sau khi góp vốn thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa (giá trị vốn khả dụng tháng liền trước tháng góp vốn - số vốn góp thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên) và tổng giá trị rủi ro tháng liền trước tháng góp vốn, phải đảm bảo đạt tối thiểu 300%.

2. Nhà đầu tư là tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán tối thiểu tương đương là 200 triệu đô la Mỹ;

b) Được cấp phép hoặc được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về lĩnh vực chứng khoán tại nước nguyên xứ;

c) Cơ quan có thẩm quyền về lĩnh vực chứng khoán của nước nguyên xứ là thành viên chính thức của IOSCO - Tổ chức Quốc tế của các Ủy ban Chứng khoán (International Organization of Securities Commissions);

3. Có thời gian hoạt động liên tục, không bị đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc bị đặt vào tình trạng cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt trong 02 năm gần nhất; không có lỗ lũy kế, hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính năm được kiểm toán của 02 năm liên tục liền trước năm đề nghị.

4. Nhà đầu tư phải bố trí đủ vốn và có phương án bố trí nhân sự dự kiến của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên như sau:

a) Điều kiện về vốn: Vốn điều lệ tối thiểu tương đương là 800 tỷ đồng;

b) Điều kiện về nhân sự: Có Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) dự kiến và dự kiến có tối thiểu 03 nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp cho mỗi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đề nghị cấp phép hoặc có giấy xác nhận/tài liệu tương đương chứng minh được phép hành nghề kinh doanh chứng khoán ở nước ngoài.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

1. Giấy đề nghị theo Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư về việc thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Trung tâm tài chính quốc tế, quyết định thông qua phương án tổ chức và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp phép tại Trung tâm tài chính quốc tế, thông qua dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động.

Phương án tổ chức và hoạt động bao gồm tối thiểu các nội dung sau: Phạm vi hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên, vốn điều lệ dự kiến, địa điểm trụ sở dự kiến, người đại diện theo pháp luật và Tổng giám đốc dự kiến, thông tin tóm tắt về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý của bộ máy nhân sự quản lý, điều hành dự kiến và các nhân viên thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh dự kiến, hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro; hệ thống công nghệ thông tin dự kiến và nhân viên công nghệ thông tin dự kiến.

3. Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động của nhà đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc các văn bản, tài liệu tương đương trong trường hợp nhà đầu tư là tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài.

4. Bản sao các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng trong 03 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị của nhà đầu tư là tổ chức kinh doanh

chứng khoán trong nước và Thuyết minh phương án đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính sau khi thực hiện góp vốn của nhà đầu tư.

5. Bản sao các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán của 02 năm gần nhất của nhà đầu tư tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị; trường hợp nhà đầu tư là công ty mẹ, nhà đầu tư phải nộp bản sao các Báo cáo tài chính năm hợp nhất được kiểm toán của 02 năm gần nhất.

6. Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

7. Danh sách nhân sự dự kiến tại tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên theo Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo bản sao hộ chiếu đối với nhân sự dự kiến là người nước ngoài; bản sao các chứng chỉ hành nghề chứng khoán tại Việt Nam hoặc giấy xác nhận/tài liệu tương đương chứng minh được phép hành nghề kinh doanh chứng khoán ở nước ngoài.

Điều 19. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên cho Cơ quan điều hành bao gồm các tài liệu quy định tại Điều 18 của Nghị định này theo phương thức nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan điều hành hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống trực tuyến.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên theo quy định tại khoản 1 của Điều này, trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều hành có văn bản gửi nhà đầu tư nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Cơ quan điều hành có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, nhà đầu tư phải hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Quá thời hạn trên, nhà đầu tư không hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan điều hành dừng việc xem xét hồ sơ.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 1 của Điều này, Cơ quan điều hành có văn bản đề nghị nhà đầu tư đảm bảo đủ vốn góp cho hoạt động kinh doanh. Nhà đầu tư được sử dụng vốn góp để đầu tư cơ sở vật chất. Phần vốn góp còn lại phải được phong tỏa trên tài khoản của nhà đầu tư mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước

ngoài là Thành viên. Sau khi phong tỏa phần vốn góp còn lại, nhà đầu tư nộp cho Cơ quan điều hành văn bản xác nhận số dư tài khoản phong tỏa vốn góp của nhà đầu tư mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Thành viên, trong đó nêu rõ mục đích phong tỏa và số tiền phong tỏa chỉ được giải tỏa khi nhà đầu tư được Cơ quan điều hành cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên hoặc nhận được công văn từ chối của Cơ quan điều hành.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận số dư tài khoản phong tỏa vốn góp của nhà đầu tư nêu tại khoản 3 của Điều này, Cơ quan điều hành cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên. Trường hợp từ chối, Cơ quan điều hành có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu đó. Hồ sơ, tài liệu phải bảo đảm thông tin rõ ràng, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của Cơ quan điều hành. Trong thời gian hồ sơ đang được xem xét, nhà đầu tư có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu phát hiện thông tin không chính xác hoặc còn thiếu nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc thấy cần thiết phải giải trình về vấn đề có thể gây hiểu nhầm. Cơ quan điều hành xử lý, chấp thuận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, tài liệu trên cơ sở hồ sơ, tài liệu được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ, tài liệu hợp lệ. Hồ sơ, tài liệu hợp lệ là hồ sơ, tài liệu có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Khai trương hoạt động

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương hoạt động.

2. Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động, tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải đảm bảo đáp ứng các nội dung sau:

a) Có đủ vốn điều lệ, có trụ sở làm việc, trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế, có đủ nhân sự đủ điều kiện tại các bộ

phận hoạt động kinh doanh, hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán (nếu cần) và hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với phương án tổ chức và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế mà nhà đầu tư đã nộp cho Cơ quan điều hành;

b) Ban hành các quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị rủi ro, bộ quy định nội bộ về phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, điều lệ tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên đã được chủ sở hữu thông qua và các quy định nội bộ khác (nếu có) và gửi báo cáo Cơ quan điều hành;

c) Đã thực hiện công bố thông tin trên 01 phương tiện truyền thông của Trung tâm tài chính quốc tế và trên 01 báo điện tử của Việt Nam về việc khai trương hoạt động, nội dung bao gồm các thông tin sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên; Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên và ngày dự kiến khai trương hoạt động.

3. Cơ quan điều hành đình chỉ việc khai trương hoạt động khi tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên không đáp ứng quy định tại khoản 2 của Điều này.

4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Giấy phép thành lập và hoạt động đã cấp hết hiệu lực. Cơ quan điều hành công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan điều hành về việc Giấy phép thành lập và hoạt động hết hiệu lực.

Mục 3
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN LÀ THÀNH VIÊN

Điều 21. Nguyên tắc hoạt động

1. Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên trong lĩnh vực chứng khoán tại Trung tâm

tài chính quốc tế và ban hành văn bản quy định, hướng dẫn các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Cơ quan giám sát thực hiện giám sát việc duy trì các điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, giám sát việc tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Nghị định này, các văn bản hướng dẫn do Cơ quan điều hành ban hành và quy định pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải hoạt động theo phạm vi hoạt động được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động. Trong quá trình hoạt động, tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam và đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải duy trì và tuân thủ các điều kiện cấp phép theo quy định của Nghị định này và đảm bảo vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu.

Điều 22. Quản lý tài sản của khách hàng

1. Tài sản của khách hàng do tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tiếp nhận và quản lý hoặc được ủy thác quản lý là tài sản thuộc quyền sở hữu của khách hàng, không phải là tài sản của công ty.

2. Trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên bị chấm dứt tư cách Thành viên, giải thể hoặc bị phá sản, tài sản của khách hàng phải được hoàn trả cho khách hàng sau khi trừ đi nghĩa vụ nợ phải trả của khách hàng đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên.

3. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên không được trực tiếp nhận và chi trả tiền mặt để giao dịch chứng khoán của khách hàng mà phải thực hiện qua ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Thành viên.

4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán không được lạm dụng tiền của khách hàng dưới mọi hình thức.

5. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của công ty.

Điều 23. Nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

1. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của công ty.

2. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên. Khi thực hiện hoạt động quản lý quỹ, tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải có hợp đồng với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Thành viên để giám sát hoạt động và bảo quản tài sản quỹ đầu tư chứng khoán.

3. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của công ty cho khách hàng phải phù hợp với tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư và khả năng chấp nhận rủi ro của từng khách hàng, trừ trường hợp khách hàng không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin nhưng không đầy đủ, chính xác.

4. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.

5. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Cơ quan điều hành và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Những thay đổi phải được Cơ quan điều hành chấp thuận

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải được Cơ quan điều hành chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thay đổi một trong những nội dung sau đây:

a) Các thay đổi liên quan đến Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 16 của Nghị định này;

b) Tạm ngừng hoạt động, trừ trường hợp tạm ngừng do nguyên nhân bất khả kháng;

c) Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp dẫn đến thay đổi chủ sở hữu;

d) Thay đổi Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc);

đ) Giải thể doanh nghiệp.

2. Nhà đầu tư là tổ chức kinh doanh chứng khoán trong nước và tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài chỉ được chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của

tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên cho nhà đầu tư là tổ chức kinh doanh chứng khoán khác khi nhà đầu tư nhận chuyển nhượng đáp ứng các quy định về điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 1 của Điều này và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên được thực hiện theo quy định của Cơ quan điều hành. Sau khi Cơ quan điều hành chấp thuận sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên, Cơ quan điều hành cập nhật thông tin thay đổi vào Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên.

4. Khi được chấp thuận thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này, tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải thực hiện thủ tục sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung thay đổi đã được chấp thuận quy định tại các điểm a và c khoản 1 của Điều này;

b) Công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Trung tâm tài chính quốc tế và trên trang thông tin điện tử của công ty nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 của Điều này trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày được Cơ quan điều hành chấp thuận thay đổi.

Điều 25. Những thay đổi phải được thông báo

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên có văn bản thông báo cho Cơ quan điều hành (nêu rõ nội dung thay đổi, lý do thay đổi) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong những nội dung thay đổi sau đây:

a) Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu;

b) Thay đổi trang thông tin điện tử của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên;

c) Thay đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên; ban hành mới, cập nhật các quy trình nghiệp vụ kinh doanh, quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình kiểm toán nội bộ, quy trình quản lý rủi ro, bộ quy định nội bộ về phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền;

d) Thay đổi nhân sự quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, nhân viên nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, nhân viên kiểm soát nội bộ, nhân viên kiểm toán nội bộ, nhân viên quản trị rủi ro, nhân viên phụ trách hoạt động phòng, chống rửa tiền theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trừ trường hợp nhân sự quy định tại khoản 1 Điều 24 của Nghị định này.

2. Sau khi nhận được văn bản thông báo của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên theo quy định tại khoản 1 của Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cơ quan điều hành thực hiện cập nhật thông tin thay đổi vào Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên (nếu cần).

Điều 26. Tạm ngừng hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên chỉ được tạm ngừng hoạt động khi việc tạm ngừng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng (nếu có) và phải có công văn đề nghị tạm ngừng hoạt động (nêu rõ thời gian tạm ngừng hoạt động, lý do tạm ngừng hoạt động), có phương án tạm ngừng hoạt động, phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực được cấp có thẩm quyền công ty thông qua; kèm theo biên bản thanh lý các hợp đồng còn hiệu lực ký với các khách hàng hoặc các tài liệu hợp lệ xác nhận đã hoàn thành việc bàn giao quyền, trách nhiệm quản lý tài sản cho tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên thay thế.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu theo quy định tại khoản 1 của Điều này, Cơ quan điều hành ra quyết định chấp thuận tạm ngừng hoạt động cho tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Thời gian tạm ngừng hoạt động không quá 90 ngày. Quá thời hạn trên, Cơ quan điều hành thực hiện thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên.

4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên có trách nhiệm báo cáo Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công ty khôi phục hoạt động trở lại.

Điều 27. Đình chỉ hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

1. Cơ quan điều hành quyết định đình chỉ toàn bộ hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị cấp, thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên có thông tin sai sự thật ảnh hưởng đến điều kiện cấp phép và quyết định cấp, thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên;

b) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng với phạm vi hoạt động kinh doanh ghi trong giấy phép;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên theo quy định của Cơ quan điều hành dẫn tới ảnh hưởng an ninh, an toàn thị trường.

2. Thời gian bị đình chỉ hoạt động đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 của Điều này là 60 ngày và thời gian bị đình chỉ hoạt động đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 của Điều này là 06 tháng. Hết thời gian bị đình chỉ hoạt động, tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên không khắc phục được các vi phạm dẫn đến đình chỉ hoạt động, công ty sẽ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên.

3. Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động, tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc hạn chế hoạt động sau đây:

a) Không được ký mới, gia hạn các hợp đồng có liên quan đến các hoạt động kinh doanh bị đình chỉ hoạt động, trừ trường hợp thực hiện các quyền có liên quan đến chứng khoán đang nắm giữ theo quy định của pháp luật; phải thực hiện tất toán, chuyển tài khoản theo yêu cầu của khách hàng (nếu có);

b) Có phương án khắc phục, báo cáo tình hình thực hiện phương án khắc phục hàng tháng hoặc theo yêu cầu của Cơ quan điều hành.

Điều 28. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

1. Cơ quan điều hành thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Không chính thức hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép; không khôi phục được hoạt động sau khi hết thời hạn tạm ngừng hoạt động đã được Cơ quan điều hành chấp thuận;

b) Có văn bản đề nghị rút Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên của nhà đầu tư;

c) Hết thời gian bị đình chỉ hoạt động, tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên không khắc phục được các vi phạm dẫn đến tình trạng đình chỉ hoạt động;

d) Sau khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền tuyên bố tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên bị phá sản theo quy định pháp luật về phá sản;

đ) Theo đề nghị của Cơ quan giám sát khi tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật của Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chấm dứt tư cách Thành viên của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên thực hiện theo quy định của Nghị định này và quy định của Cơ quan điều hành.

3. Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên được Cơ quan điều hành công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan điều hành. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải chấm dứt ngay các hoạt động kinh doanh kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên có hiệu lực.

Điều 29. Giải thể, chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên giải thể khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ công ty mà không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được chấp thuận bằng văn bản;

b) Giải thể tự nguyện theo quyết định của chủ sở hữu công ty và được Cơ quan điều hành chấp thuận bằng văn bản;

c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị định này;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Cơ quan điều hành.

2. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên thực hiện theo quy định của Cơ quan điều hành, quy định pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 30. Thanh lý tài sản trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động

1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định của Nghị định này, tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Cơ quan giám sát, các cơ quan có liên quan (nếu cần) và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Cơ quan điều hành quy định, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Cơ quan giám sát quyết định chấm dứt thanh lý tài sản. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định pháp luật về phá sản.

3. Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên bị thanh lý tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

Chương V
CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM, TÁI BẢO HIỂM

Mục 1
PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ BẢO HIỂM

Điều 31. Phạm vi cung cấp, sử dụng dịch vụ

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức đại lý bảo hiểm và tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm là Thành viên chỉ được cung cấp dịch vụ cho Thành viên, người lao động của các Thành viên và tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân tại phần còn lại của Việt Nam phải thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ môi giới bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới.

2. Doanh nghiệp tái bảo hiểm là Thành viên được cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm là Thành viên và tổ chức kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm ở nước ngoài.

Trường hợp doanh nghiệp tái bảo hiểm cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động tại phần còn lại của Việt Nam thì phải thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về tái bảo hiểm.

3. Các Thành viên, người lao động của các Thành viên được tham gia bảo hiểm tại các doanh nghiệp bảo hiểm thành lập và hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế, các doanh nghiệp bảo hiểm thành lập và hoạt động tại phần còn lại của Việt Nam và các doanh nghiệp bảo hiểm ở nước ngoài.

Mục 2
CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM

Điều 32. Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Cơ quan điều hành cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đồng thời Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên.

Điều 33. Hình thức tổ chức hoạt động

Nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.

Điều 34. Điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động

1. Nhà đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải là tổ chức có tư cách pháp nhân.

2. Đối với nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam (nhà đầu tư trong nước) phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đã được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

b) Đang hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực dự kiến đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế tối thiểu trong 05 năm liên tục liền kề năm đề nghị cấp giấy phép;

c) Đảm bảo vốn điều lệ dự kiến góp bằng tiền và không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm. Nhà đầu tư góp vốn phải thực hiện phong tỏa số tiền này tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam. Số tiền này chỉ được mở phong tỏa để chuyển thành vốn điều lệ trong trường hợp nhà đầu tư được cấp phép thành lập và hoạt động hoặc để hoàn trả lại nhà đầu tư trong trường hợp nhận được văn bản của Cơ quan điều hành về việc từ chối cấp phép thành lập và hoạt động.

Trường hợp triển khai bảo hiểm liên kết đầu tư hoặc bảo hiểm hưu trí, doanh nghiệp bảo hiểm dự kiến thành lập phải đáp ứng các điều kiện về vốn và công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

đ) Đảm bảo biên khả năng thanh toán, đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn, điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm;

e) Không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn;

g) Có nhân sự dự kiến là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm (không áp dụng chức danh chuyên gia tính toán đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm).

3. Đối với nhà đầu tư nước ngoài:

a) Là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài;

b) Đáp ứng các điều kiện b, c, d, e, g quy định tại khoản 2 của Điều này;

c) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi các tổ chức này đóng trụ sở chính cho phép thành lập doanh nghiệp tại Trung tâm tài chính quốc tế. Trường

hợp quy định của nước nơi tổ chức này đóng trụ sở chính không có yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nước đó;

d) Có tổng tài sản không thấp hơn 02 tỷ Đô la Mỹ (đối với nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc 02 triệu đô la Mỹ (đối với nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm) vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 35. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo Mẫu số 08 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của nhà đầu tư góp vốn;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp tại Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư góp vốn;

đ) Bản sao báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;

e) Danh sách các chủ sở hữu hưởng lợi gồm các thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, số thẻ căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số hộ chiếu, quốc tịch (trường hợp có nhiều quốc tịch thì phải ghi đầy đủ các quốc tịch và các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch), địa chỉ cư trú tại Việt Nam (nếu có), tỷ lệ sở hữu tại doanh nghiệp dự kiến thành lập. Quy định này không áp dụng đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

g) Văn bản xác nhận số dư tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng được cấp phép hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế hoặc ngân hàng được cấp phép hoạt động tại phần còn lại của Việt Nam, trong đó nêu rõ số tiền góp vốn được phong tỏa của từng nhà đầu tư, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện mở phong tỏa;

h) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi chủ đầu tư nước ngoài góp vốn đặt trụ sở chính xác nhận các tổ chức này được phép thành lập doanh

nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Trung tâm tài chính quốc tế. Trường hợp quy định của nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nước đó;

i) Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp dự kiến thành lập;

k) Phương án kinh doanh 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trong đó nêu rõ các nội dung hoạt động dự kiến triển khai và hiệu quả kinh doanh. Riêng doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm nêu rõ nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin;

l) Sơ yếu lý lịch, Phiếu lý lịch tư pháp, bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các nhân sự dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán (không áp dụng chức danh chuyên gia tính toán đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm).

2. Tiêu chuẩn chung về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu:

a) Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Cơ quan điều hành hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống trực tuyến;

b) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 12 tháng, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;

c) Sơ yếu lý lịch phải được lập trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 06 tháng;

d) Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu. Trường hợp tổ chức, cá nhân gian lận thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động thì trong vòng 05 năm kể từ thời điểm phát hiện hành vi gian lận, Cơ quan điều hành từ chối xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đối với các tổ chức, cá nhân này;

đ) Khi các loại giấy tờ về lai lịch, nhận dạng của cá nhân thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu khác có liên quan thì Cơ quan điều hành có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong các Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, cơ sở dữ liệu khác.

Điều 36. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 35 của Nghị định này (trừ tài liệu quy định tại điểm g khoản 1 Điều 35 của Nghị định này):

a) Trường hợp các tài liệu hợp lệ, Cơ quan điều hành có văn bản đề nghị nhà đầu tư phong tỏa đủ vốn bảo đảm cho hoạt động kinh doanh. Sau khi phong tỏa đủ vốn bảo đảm cho hoạt động kinh doanh, nhà đầu tư nộp cho Cơ quan điều hành Giấy xác nhận quy định tại điểm g khoản 1 Điều 35 của Nghị định này.

b) Trường hợp tài liệu chưa hợp lệ, Cơ quan điều hành thông báo bằng văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi hồ sơ. Thời hạn bổ sung, sửa đổi hồ sơ của chủ đầu tư tối đa là 06 tháng kể từ ngày ra thông báo. Trường hợp nhà đầu tư không bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo đúng thời hạn quy định, Cơ quan điều hành từ chối xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và có văn bản nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Giấy xác nhận quy định tại điểm g khoản 1 Điều 35 của Nghị định này, Cơ quan điều hành cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm theo Mẫu số 09 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, đồng thời có văn bản chấp thuận về nguyên tắc đối với người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán.

Trường hợp từ chối cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Cơ quan điều hành có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 37. Chính thức hoạt động

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải chính thức hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, doanh nghiệp bảo hiểm,

doanh nghiệp tái bảo hiểm phải báo cáo bằng văn bản và được Cơ quan điều hành chấp thuận bằng văn bản về việc gia hạn thời gian chính thức hoạt động; thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng.

2. Trước khi chính thức hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm chủ động thực hiện các công việc sau: góp đủ vốn điều lệ; bầu, bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật; bầu, bổ nhiệm các chức danh đã được Cơ quan điều hành chấp thuận về nguyên tắc; xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và ban hành các quy trình, quy chế theo quy định pháp luật; ký quỹ đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm tại ngân hàng được cấp phép hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế hoặc ngân hàng được cấp phép hoạt động tại phần còn lại của Việt Nam.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải thông báo cho Cơ quan điều hành về việc đáp ứng các quy định tại khoản 2 của Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày chính thức hoạt động. Cơ quan điều hành có quyền đình chỉ việc chính thức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khi chưa đáp ứng các quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 38. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép;

b) Quá thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động mà không chính thức hoạt động, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Quy định này không áp dụng đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

c) Bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể;

d) Hoạt động không đúng với nội dung tại Giấy phép thành lập và hoạt động;

đ) Sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền tuyên bố doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phá sản.

2. Trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 1 của Điều này, doanh nghiệp phải thực hiện các quy định sau:

a) Dừng ngay việc giao kết hợp đồng bảo hiểm mới, hợp đồng tái bảo hiểm mới, thỏa thuận bằng văn bản mới với khách hàng khi thực hiện cung cấp dịch vụ môi giới bảo hiểm, không được ký mới, ký gia hạn các hợp đồng khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

b) Trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại điểm a, d khoản 1 của Điều này, đối với những hợp đồng, thỏa thuận bằng văn bản đang có hiệu lực, doanh nghiệp và khách hàng hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Doanh nghiệp phải bồi thường cho khách hàng những thiệt hại do hành vi của mình gây ra (nếu có) theo thỏa thuận tại hợp đồng, văn bản.

c) Trường hợp thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động do doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động, doanh nghiệp phải thực hiện các quy định sau:

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi sự kiện xảy ra trước thời điểm thu hồi Giấy phép.

Doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại hoặc phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm phù hợp với từng sản phẩm bảo hiểm sau khi trừ chi phí hợp lý, hợp lệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành.

Điều 39. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm

1. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Nhà đầu tư dự kiến góp vốn vào doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 34 và Điều 35của Nghị định này;

d) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hình thành sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 33 của Nghị định này.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành.

Điều 40. Giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm giải thể trong trường hợp sau đây:

a) Tự nguyện đề nghị giải thể;

b) Khi hết thời hạn hoạt động quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều 38 của Nghị định này;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới phải được Cơ quan điều hành chấp thuận bằng văn bản.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại cơ quan giải quyết tranh chấp tại Trung tâm tài chính quốc tế. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

4. Việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản đãi ngộ khác cho người lao động trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thanh toán khoản trả tiền bồi thường, trả tiền bảo hiểm đối với các yêu cầu đòi bồi thường, trả tiền bảo hiểm đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm chấp thuận chi trả giá trị hoàn lại, giá trị tài khoản hợp đồng bảo hiểm hoặc hoàn phí bảo hiểm;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác.

5. Sau khi hoàn thành việc thanh toán các khoản nợ theo quy định tại khoản 4 của Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện giải thể theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành.

Điều 41. Phá sản doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thủ tục phá sản khi:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm không khắc phục được tình trạng bị áp dụng biện pháp kiểm soát theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm;

b) Cơ quan điều hành ban hành văn bản chấm dứt áp dụng biện pháp kiểm soát đối với doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản 1 của Điều này.

2. Thủ tục phá sản thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành.

Điều 42. Những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải được Cơ quan điều hành chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong các nội dung sau đây:

a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;

b) Mức vốn điều lệ;

c) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

d) Chuyển nhượng phần vốn góp dẫn đến thay đổi chủ sở hữu;

đ) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể.

e) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Chuyên gia tính toán (không áp dụng chức danh chuyên gia tính toán đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm).

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thay đổi các nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này cho Cơ quan điều hành. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận các thay đổi quy định tại khoản 1 của Điều này thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

a) Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định, Cơ quan điều hành có văn bản chấp thuận (đối với thay đổi quy định tại điểm e khoản 1 của Điều này) hoặc cấp

Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh đối với những thay đổi quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 của Điều này.

b) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định, Cơ quan điều hành từ chối chấp thuận và có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Khi được chấp thuận thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung thay đổi đã được chấp thuận;

b) Công bố nội dung thay đổi trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được chấp thuận trên Trang Thông tin điện tử của Cơ quan điều hành hoặc của Trung tâm tài chính quốc tế.

5. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thông báo cho Cơ quan điều hành bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có những thay đổi sau:

a) Thay đổi điều lệ hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

b) Thay đổi các chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Mục 3
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM

Điều 43. Nội dung hoạt động

1. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm:

a) Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm;

b) Quản lý các quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm;

c) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;

d) Hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

2. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp tái bảo hiểm bao gồm:

a) Kinh doanh tái bảo hiểm; nhượng tái bảo hiểm;

b) Quản lý các quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm;

c) Hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.

3. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bao gồm:

a) Môi giới bảo hiểm gốc;

b) Môi giới tái bảo hiểm;

c) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

4. Hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm.

Điều 44. Cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát (nếu có).

2. Người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, người quản lý của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn và nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm, trừ điều kiện cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm nhưng phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Trung tâm tài chính quốc tế hoặc tại phần còn lại của Việt Nam.

3. Trường hợp thay đổi Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán, trong thời hạn 75 ngày kể từ ngày Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán thôi giữ chức vụ, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị Cơ quan điều hành chấp thuận Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán mới (quy định về chuyên gia tính toán không áp dụng đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm).

4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm.

Điều 45. Đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán

Việc đình chỉ thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm và các quy định sau:

1. Cơ quan điều hành có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Trung tâm tài chính quốc tế không đáp ứng quy định về điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm.

2. Trong thời hạn 75 ngày kể từ ngày Cơ quan điều hành ban hành văn bản đình chỉ, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Trung tâm tài chính quốc tế phải nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị Cơ quan điều hành chấp thuận Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán mới. Quy định đối với chuyên gia tính toán không áp dụng đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ quy định tại khoản 1 của Điều này có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 46. Hoạt động nghiệp vụ

1. Doanh nghiệp bảo hiểm được triển khai loại hình, nghiệp vụ và các sản phẩm bảo hiểm sau:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được phép kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và các sản phẩm bảo hiểm sức khỏa từ 01 năm trở xuống.

b) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được phép kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe.

c) Doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe được phép kinh doanh bảo hiểm sức khỏe.

2. Hợp đồng bảo hiểm thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm. Riêng đối với phương thức giải quyết tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm được thực hiện theo quy định về giải quyết tranh chấp tại Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm được chủ động, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng, thiết kế sản phẩm bảo hiểm. Quy tắc, điều khoản, biểu phí phải tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm phải thực hiện các quy định sau:

a) Đăng ký và được Cơ quan điều hành chấp thuận đối với phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm trước khi triển khai, trừ sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, sản phẩm bảo hiểm không tham gia chia lãi (non-par) thuộc nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ, trọn đời và hỗn hợp, sản phẩm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có thời hạn 01 năm trở xuống.

b) Đăng ký và được Cơ quan điều hành chấp thuận đối với phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm nhân thọ, phân chia thặng dư sản phẩm bảo hiểm nhân thọ (nếu có) trước khi triển khai.

5. Doanh nghiệp tái bảo hiểm phải đăng ký và được Cơ quan điều hành chấp thuận đối với phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ trước khi triển khai.

6. Trường hợp sửa đổi, bổ sung phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ; sửa đổi, bổ sung cơ sở tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hoặc sửa đổi, bổ sung quy tắc, điều kiện, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm làm ảnh hưởng tới phương pháp và cơ sở tính phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm nộp Cơ quan điều hành 01 bộ hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm hoặc sửa đổi, bổ sung quy tắc, điều kiện, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm làm thay đổi không quá 10% đối với toàn bộ biểu phí hoặc không quá 10% biểu phí đối với từng nhóm khách hàng cụ thể.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc đăng ký hoặc sửa đổi, bổ sung phương pháp cơ sở tính phí bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm nhân thọ, phân chia thặng dư sản phẩm bảo hiểm nhân thọ trước khi triển khai thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm.

Điều 47. Đầu tư tài chính

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện hoạt động đầu tư tài chính theo quy định sau:

a) Nguồn vốn đầu tư gồm: Vốn chủ sở hữu; vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

b) Đối với nguồn vốn từ dự phòng nghiệp vụ và nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng với biên khả năng thanh toán tối thiểu hoặc vốn pháp định, tùy theo số nào lớn

hơn; hoặc phần vốn chủ sở hữu đáp ứng yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn và khả năng thanh toán: Phải thực hiện đầu tư tại Trung tâm tài chính quốc tế hoặc đầu tư vào phần còn lại của Việt Nam. Nguyên tắc và tỷ lệ đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm.

c) Đối với phần vốn chủ sở hữu vượt quá vốn pháp định hoặc biên khả năng thanh toán tối thiểu, tùy theo số nào lớn hơn hoặc phần vốn chủ sở hữu còn lại sau khi trừ đi phần vốn đáp ứng yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn và khả năng thanh toán: Được đầu tư ra nước ngoài (ngoài Trung tâm tài chính quốc tế) và phải được Cơ quan điều hành chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

2. Việc đầu tư của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đảm bảo nguyên tắc an toàn, thanh khoản, hiệu quả; tuân thủ quy định pháp luật, tự chịu trách nhiệm về hoạt động đầu tư. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không được đầu tư dưới mọi hình thức cho các nhà đầu tư góp vốn hoặc người có liên quan với nhà đầu tư góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 48. Tài chính và hạch toán kế toán

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn vốn, ký quỹ, khả năng thanh toán và biện pháp can thiệp, dự phòng nghiệp vụ, tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm nhân thọ, an toàn tài chính, quỹ dự trữ bắt buộc theo quy định pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện chính sách kế toán theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 222/2025/QH15 và quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định này.

Mục 4
HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, CUNG CẤP DỊCH VỤ PHỤ TRỢ BẢO HIỂM

Điều 49. Điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm và cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

Hoạt động đại lý bảo hiểm và cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được cung cấp bởi các công ty trách nhiệm hữu hạn được đăng ký Thành viên; trình tự, thủ tục đăng ký, chấm dứt Thành viên được thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm, cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm của tổ chức đại lý bảo hiểm, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có chứng chỉ về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc nước ngoài cấp phù hợp với loại hình bảo hiểm, sản phẩm, nghiệp vụ bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm mà tổ chức đó làm đại lý hoặc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

Điều 50. Nguyên tắc hoạt động đại lý bảo hiểm và cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

Quyền, nghĩa vụ của tổ chức đại lý bảo hiểm và tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; nguyên tắc hoạt động đại lý bảo hiểm và cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm.

Chương VI
CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN VÀ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT CHO DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1
TỔ CHỨC CUNG CẤP NỀN TẢNG HUY ĐỘNG VỐN CỘNG ĐỒNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 51. Quy định về tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng

1. Tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng (sau đây gọi tắt là tổ chức cung cấp nền tảng) là tổ chức kinh doanh chứng khoán được Cơ quan điều hành cấp phép thực hiện.

2. Tổ chức cung cấp nền tảng là doanh nghiệp thực hiện, cung cấp một hoặc một số dịch vụ, hoạt động sau:

a) Tổ chức nền tảng huy động vốn cộng đồng cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Tư vấn hoạt động huy động vốn cộng đồng cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

c) Quản lý sổ cổ đông của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chỉ được quản lý sổ cổ đông thông qua một tổ chức cung cấp nền tảng.

Điều 52. Điều kiện cấp Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn

1. Thành viên là tổ chức kinh doanh chứng khoán.

2. Có quy trình nghiệp vụ về cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng, giám sát hoạt động huy động vốn cộng đồng, quản lý sổ cổ đông.

3. Hệ thống công nghệ thông tin phải đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, ổn định, an ninh mạng, khả năng giám sát việc huy động vốn cộng đồng.

Điều 53. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn

1. Hồ sơ cấp Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn theo Mẫu số 03 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy phép thành lập và hoạt động của Thành viên;

c) Quy trình nghiệp vụ quy định tại khoản 2 Điều 52 của Nghị định này;

d) Văn bản chứng minh hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 52 của Nghị định này.

2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 của Điều này phải được lập bằng văn bản thành 01 bộ gốc; trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ được nộp và trả trực tiếp tại Cơ quan điều hành, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc môi trường điện tử trong Trung tâm tài chính theo quy định pháp luật.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ nêu tại khoản 2 của Điều này, Cơ quan điều hành yêu cầu bổ sung trong trường hợp chưa nhận được đầy đủ tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này, Cơ quan điều hành cấp Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 54. Thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn

1. Tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn bị Cơ quan điều hành thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn trong các trường hợp sau:

a) Có văn bản đề nghị thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn của tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn theo Mẫu số 07 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị chia, bị sáp nhập theo quy định pháp luật.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này, Cơ quan điều hành có văn bản trả lời về việc thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn của tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị chia, bị sáp nhập của tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn, Cơ quan điều hành thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn của tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn.

4. Khi bị Cơ quan điều hành thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn, tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Chấm dứt ngay mọi hoạt động ghi trong Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn và thông báo trên trang thông tin điện tử của tổ chức đó;

b) Thực hiện chuyển giao tài sản của khách hàng cho tổ chức cung cấp nền tảng được khách hàng lựa chọn hoặc được Cơ quan điều hành chỉ định tiếp nhận và quản lý, tài sản của khách hàng trong vòng 45 ngày kể từ ngày thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn;

c) Báo cáo Cơ quan điều hành sau khi hoàn thành nghĩa vụ chuyển giao tài sản của khách hàng theo quy định tại điểm b của khoản này.

5. Cơ quan điều hành quy định về việc thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn, công bố thông tin về việc thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn.

Mục 2
HUY ĐỘNG VỐN CỘNG ĐỒNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 55. Điều kiện về việc huy động vốn cộng đồng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Điều kiện đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

a) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được cấp Giấy chứng nhận bởi Cơ quan điều hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Nghị quyết số 222/2025/QH15;

b) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải có phương án huy động vốn gắn với dự án và kế hoạch phát triển doanh nghiệp trong vòng 03 năm tới được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt;

c) Các đợt huy động vốn cộng đồng phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt huy động vốn cộng đồng gần nhất và phải cách đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán gần nhất;

d) Huy động vốn cộng đồng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối tại Trung tâm tài chính quốc tế;

đ) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chỉ được huy động tối đa 700.000 đô la Mỹ trong thời gian 12 tháng;

e) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chỉ được huy động vốn cho một dự án trong vòng 12 tháng trên một nền tảng được Cơ quan điều hành cấp phép.

2. Điều kiện đối với nhà đầu tư:

a) Nhà đầu tư tham gia huy động vốn cộng đồng bao gồm tổ chức trong nước là Thành viên, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài.

b) Các nhà đầu tư phải nắm giữ cổ phần trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt huy động vốn cộng đồng.

c) Các nhà đầu tư không được phép chuyển nhượng lại cổ phần cho nhà đầu tư Việt Nam không phải là Thành viên.

3. Tổ chức cung cấp nền tảng có trách nhiệm xem xét nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đợt huy động vốn cộng đồng theo quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 56. Hồ sơ huy động vốn cộng đồng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Hồ sơ huy động vốn cộng đồng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm tài chính quốc tế gồm:

a) Giấy đăng ký huy động vốn cộng đồng theo Mẫu số 04 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được cấp bởi Cơ quan điều hành;

c) Giấy phép thành lập doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

d) Phương án huy động vốn gắn với dự án nêu rõ: thông tin dự án; mục đích huy động; số lượng vốn huy động; phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt huy động vốn cộng đồng, trong đó phải bao gồm nội dung về phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động để thực hiện dự án;

đ) Kế hoạch phát triển doanh nghiệp trong 03 năm tới, trong đó nêu rõ: hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; kế hoạch kinh doanh trong 03 năm tới; rủi ro có liên quan.

2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 của Điều này phải được lập bằng văn bản thành 01 bộ gốc; trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ được nộp và trả trực tiếp tại tổ chức cung cấp nền tảng, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc môi trường điện tử.

Điều 57. Trình tự, thủ tục huy động vốn cộng đồng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đăng ký huy động vốn cộng đồng gửi hồ sơ tới tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng.

2. Trong thời gian hồ sơ đăng ký huy động vốn cộng đồng đang được xem xét, tổ chức cung cấp nền tảng có quyền yêu cầu doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký huy động vốn cộng đồng để đảm bảo thông tin được công bố chính xác, trung thực, đầy đủ, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà đầu tư.

3. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu phát hiện thông tin không chính xác hoặc còn thiếu nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc thấy cần thiết phải giải trình về vấn đề có thể gây hiểu nhầm.

4. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng có văn bản xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp huy động vốn cộng đồng đáp ứng đủ điều kiện huy động vốn và công bố thông tin về doanh nghiệp trên website của tổ chức cung cấp nền tảng; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày thông tin huy động vốn cộng đồng của doanh nghiệp được công bố theo quy định tại khoản 4 của Điều này, tổ chức cung cấp nền tảng nhận thông tin đăng ký góp vốn của nhà đầu tư và nhận tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký vào tài khoản phong tỏa do tổ chức cung cấp nền tảng mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Thành viên.

6. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đăng ký mua cổ phần và nhận tiền đặt cọc, tổ chức cung cấp nền tảng thông báo cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về danh sách nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần. Trường hợp tổng số vốn đăng ký hợp lệ vượt quá số vốn huy động dự tính, tổ chức cung cấp nền tảng lựa chọn danh sách nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên theo trình tự thời gian, căn cứ vào thời điểm nhà đầu tư hoàn thành khoản đặt cọc hợp lệ.

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức cung cấp nền tảng về việc hoàn tất mua cổ phần, nhà đầu tư đăng ký mua chuyển tiền mua cổ phần còn lại vào tài khoản phong tỏa quy định tại khoản 5 của Điều này để hoàn tất đợt huy động vốn. Tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn không được sử dụng tiền trong tài khoản phong tỏa của đợt huy động vốn dưới bất kỳ hình thức nào.

8. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất đợt huy động vốn theo quy định tại khoản 7 của Điều này, tổ chức cung cấp nền tảng thực hiện:

a) Gửi thông báo cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về danh sách nhà đầu tư đã hoàn tất góp vốn;

b) Đề nghị ngân hàng chấm dứt phong tỏa tài khoản nhận tiền huy động vốn và chuyển tiền từ tài khoản này sang tài khoản của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Ngay sau khi chuyển tiền thành công, tổ chức cung cấp nền tảng gửi xác nhận của ngân hàng mở tài khoản phong tỏa đã chuyển thành công số vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

c) Báo cáo Cơ quan giám sát về kết quả đợt huy động vốn, trong đó có xác nhận của ngân hàng đã chuyển thành công số tiền huy động vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

d) Công bố thông tin về kết quả của đợt huy động vốn trên trang website của tổ chức cung cấp nền tảng đó.

9. Nhà đầu tư nhận cổ phần sau đợt huy động vốn cộng đồng trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.

Điều 58. Hủy bỏ đợt huy động vốn cộng đồng

1. Tổ chức cung cấp nền tảng hủy bỏ đợt huy động vốn cộng đồng trong các trường hợp sau đây:

a) Kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần, số vốn đăng ký mua không đạt 80% số vốn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đăng ký huy động;

b) Kết thúc đợt huy động vốn, số vốn huy động được không đạt 80% số vốn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đăng ký huy động.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hủy bỏ đợt huy động vốn, tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn hoàn trả lại tiền đặt cọc cho nhà đầu tư trong trường hợp hủy bỏ đợt huy động vốn theo quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này hoặc hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đã góp vốn trong trường hợp hủy bỏ đợt huy động vốn theo quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này.

Điều 59. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần huy động vốn cộng đồng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng và không được phép chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoặc thông qua dịch vụ quản lý sổ cổ đông tại tổ chức cung cấp nền tảng do doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo lựa chọn.

2. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cổ đông.

Mục 3
CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHO CÁC DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 60. Điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Điều kiện đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:

a) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận bởi Cơ quan điều hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Nghị quyết số 222/2025/QH15;

b) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có dự án, kế hoạch phát triển doanh nghiệp, phương án sử dụng vốn trong vòng 03 năm tới được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt;

c) Các đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán gần nhất và phải cách đợt huy động vốn cộng đồng ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt huy động vốn cộng đồng gần nhất;

d) Chào bán cổ phiếu riêng lẻ không được trái với các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối tại Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Điều kiện đối với nhà đầu tư:

a) Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư tổ chức là Thành viên và nhà đầu tư tổ chức nước ngoài;

b) Việc chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư tổ chức kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư tổ chức hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. Các nhà đầu tư không được phép chuyển nhượng lại cổ phần cho nhà đầu tư Việt Nam không phải là Thành viên.

Điều 61. Phê duyệt, chấp thuận phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm tài chính quốc tế

Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo điều lệ (hoặc văn bản pháp lý tương đương) của công ty.

Điều 62. Chuyển nhượng cổ phần riêng lẻ

1. Cổ phần riêng lẻ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng và không được phép chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng tại tổ chức chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc thông qua dịch vụ quản lý sổ cổ đông tại tổ chức cung cấp nền tảng do doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo lựa chọn.

2. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.

3. Nhà đầu tư nhận cổ phần sau đợt chào bán riêng lẻ chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.

4. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cổ đông.

Mục 4
CHÍNH SÁCH VỀ TRÁI PHIẾU XANH VÀ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT CHO DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 63. Trái phiếu xanh

1. Trái phiếu xanh là trái phiếu do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu, pháp luật về bảo vệ môi trường để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường.

2. Việc phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch, công bố thông tin về trái phiếu xanh thực hiện theo quy định của pháp luật về trái phiếu và pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Chủ thể phát hành trái phiếu xanh, nhà đầu tư trái phiếu xanh được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật và các chương trình ưu đãi, hỗ trợ khác do Cơ quan điều hành ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị

quyết số 222/2025/QH15. Việc xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh được thực hiện theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại dự án xanh trên cơ sở đề nghị của chủ thể phát hành trái phiếu xanh có nhu cầu để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

4. Đối với trái phiếu chính quyền địa phương xanh do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phát hành, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân phê duyệt Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh để triển khai thực hiện.

Điều 64. Tiêu chuẩn trong lĩnh vực tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh

Cơ quan điều hành có trách nhiệm công bố các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh được phát hành và giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế, trừ lĩnh vực trái phiếu xanh được thực hiện theo quy định tại Điều 63 của Nghị định này.

Điều 65. Thử nghiệm có kiểm soát cho dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức kinh doanh bảo hiểm ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo chính sách tài chính thử nghiệm có kiểm soát cho dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo do Cơ quan điều hành ban hành.

2. Cơ quan điều hành quy định chi tiết về tiêu chí, điều kiện lựa chọn, phạm vi áp dụng và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát cho dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 24 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

Chương VII
CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG XÃ HỘI

Điều 66. Số thu nội địa phần ngân sách trung ương được hưởng tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Số thu nội địa phần ngân sách trung ương được hưởng theo phân cấp phát sinh trên địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 222/2025/QH15, bao gồm:

a) Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm đ, e, g, q khoản 1 Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

b) Các khoản thu phân chia quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

2. Số thu nội địa phần ngân sách trung ương được hưởng theo phân cấp phát sinh trên địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế nêu trên không sử dụng để xác định số thưởng vượt dự toán thu và đầu tư trở lại theo quy định tại khoản 3 Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và cơ chế đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

Điều 67. Về quản lý, sử dụng, thanh toán vốn nhà nước và cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu trong dự án PPP

Việc quản lý, sử dụng, thanh toán vốn Nhà nước trong dự án PPP; áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu của các dự án PPP trong Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

Điều 68. Chỉ định nhà đầu tư, trừ dự án hạ tầng thực hiện theo thủ tục đầu tư công

1. Chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

a) Hình thức chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án PPP được áp dụng đối với dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại khoản 8 Điều 27 của Nghị quyết số 222/2025/QH15;

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh

a) Hình thức chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh được áp dụng đối với dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Cơ quan điều hành có trách nhiệm xác định dự án đầu tư theo phương thức PPP, dự án đầu tư kinh doanh được thực hiện theo hình thức chỉ định nhà đầu tư để thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

Điều 69. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, trừ dự án hạ tầng thực hiện theo thủ tục đầu tư công

1. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt thực hiện dự án PPP

a) Hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt thực hiện dự án PPP được áp dụng đối với dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và dự án hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại khoản 8 Điều 27của Nghị quyết số 222/2025/QH15;

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt thực hiện dự án đầu tư kinh doanh

a) Hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt thực hiện dự án đầu tư kinh doanh được áp dụng đối với dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và dự án hạ tầng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách của Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại khoản 9 Điều 27của Nghị quyết số 222/2025/QH15;

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Cơ quan điều hành có trách nhiệm xác định dự án đầu tư theo phương thức PPP, dự án đầu tư kinh doanh được thực hiện theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt để thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

Điều 70. Chỉ định thầu đối với các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công

1. Căn cứ quy mô, tính chất, tiến độ hoàn thành của gói thầu, dự án, chủ đầu tư được áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của Điều này hoặc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 71 của Nghị định này.

2. Các gói thầu, dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

3. Căn cứ tiến độ hoàn thành của gói thầu, chủ đầu tư thực hiện quy trình chỉ định thầu thông thường hoặc rút gọn theo quy định tương ứng tại Điều 79, khoản 2 và khoản 3 Điều 80 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 71. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công

1. Các gói thầu, dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

2. Chủ đầu tư thực hiện quy trình như sau:

a) Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu được xác định có đủ năng lực, kinh nghiệm;

c) Phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng phải bao gồm đầy đủ các nội dung liên quan đến yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị hợp đồng. Việc ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

đ) Việc đăng tải thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và các thông tin về đấu thầu khác được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật Đấu thầu.

Trường hợp áp dụng quy trình, thủ tục quy định của khoản này mà không đáp ứng được yêu cầu thực hiện, gói thầu, dự án thì chủ đầu tư phê duyệt quy trình lựa

chọn nhà thầu khác để lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, thực hiện gói thầu bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Điều 72. Bổ sung Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư

Bổ sung Dự án đầu tư thực hiện tại Trung tâm tài chính quốc tế vào Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Chương VIII
THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT TRONG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 73. Thanh tra, kiểm tra, giám sát

1. Cơ quan giám sát thực hiện giám sát đối với các Thành viên thông qua hoạt động nghiệp vụ, tình hình tài chính, quản trị rủi ro và việc chấp hành pháp luật theo quy định của Quy chế hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế, Nghị định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan giám sát thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với các Thành viên theo quy định của Quy chế hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế, Nghị định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 74. Xử lý vi phạm trong Trung tâm tài chính quốc tế

1. Cơ quan giám sát có nhiệm vụ phòng ngừa và xử lý vi phạm đối với các Thành viên theo quy định của Quy chế hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế, Nghị định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền xử phạt, hành vi vi phạm hành chính, việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các Thành viên thực hiện theo quy định của Quy chế hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế, Nghị định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 75. Báo cáo và công bố thông tin

Việc báo cáo và công bố thông tin của Thành viên do Cơ quan điều hành hướng dẫn cụ thể.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 76. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 12 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 77. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục
MẪU BIỂU
(Kèm theo Nghị định số 324/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu	Tên mẫu
Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên
Mẫu số 02	Danh sách nhân sự tại tổ chức kinh doanh chứng khoán
Mẫu số 03	Giấy đề nghị cấp giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng
Mẫu số 04	Giấy đăng ký huy động vốn cộng đồng
Mẫu số 05	Bản thuyết minh cơ sở vật chất
Mẫu số 06	Giấy phép cung cấpnền tảng huy động vốn cộng đồng
Mẫu số 07	Giấy đề nghị thu hồi giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng
Mẫu số 08	Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm
Mẫu số 09	Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:……/…….	*……, ngày… tháng… năm……*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN LÀ THÀNH VIÊN

Kính gửi: Cơ quan điều hành

Chúng tôi là:

- Công ty *(Tên đầy đủ của công ty ghi bằng chữ in hoa)*

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm… hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số... do... cấp ngày... tháng… năm… do cơ quan…. cấp phép *(đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài)*

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:…… Fax:…….. Website:……..…….

- Hoạt động kinh doanh được ghi trên giấy phép/được thực hiện:….

Đối chiếu với các quy định pháp luật, chúng tôi tự đánh giá đáp ứng điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên, chúng tôi đề nghị Cơ quan điều hành cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên cho Công ty ….. trong Trung tâm Tài chính quốc tế tại Thành phố …., Việt Nam với nội dung như sau:

1. Tên tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên *(Tên đầy đủ bằng tiếng Anh và tiếng Việt, tên viết tắt, tên giao dịch của công ty; ghi bằng chữ in hoa)*

2. Vốn điều lệ tối thiểu dự kiến: …….. đồng.

3. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đề nghị cấp: ……

4. Địa chỉ trụ sở chính dự kiến trong Trung tâm Tài chính quốc tế tại Việt Nam:..
.....

Số điện thoại:……. Fax:…….....

5. Người đại diện theo pháp luật dự kiến:

Chức danh *(đối với người đại diện theo pháp luật)*:.....

Họ và tên:.....

Ngày/tháng/năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:……...… ngày cấp…… nơi cấp……...…

6. Thời hạn hoạt động dự kiến:.....

Trường hợp được cấp phép thành lập và hoạt động, chúng tôi cam kết hoạt động đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định của các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Thành viên.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

TM. THÀNH VIÊN SÁNG LẬP/TÊN CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Danh sách nhân sự tại tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

DANH SÁCH NHÂN SỰ TẠI TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN LÀ THÀNH VIÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ/ Vị trí việc làm	Ngày tháng năm sinh	Căn cước công dân (đối với người Việt Nam)/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài)			Loại chứng chỉ hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Quá trình công tác tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	**Chủ tịch công ty/Hội đồng thành viên**								
1	...	Chủ tịch công ty/Chủ tịch Hội đồng thành viên							
2	...	Phó Chủ tịch (nếu có)							
3	...	Thành viên							
II	**Ban Kiểm soát/ Kiểm soát viên**								
	....								
III	**Tổng giám đốc/ Giám đốc**								
	.....								

STT	Họ và tên	Chức vụ/ Vị trí việc làm	Ngày tháng năm sinh	Căn cước công dân (đối với người Việt Nam)/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài)			Loại chứng chỉ hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Quá trình công tác tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
IV	**Người hành nghề**	(chi tiết tại từng bộ phận hoạt động, nghiệp vụ)							
1									
2									
...									
10	**.....**								

Cột (7), (8): Điền theo loại chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí công tác.

Hồ sơ gửi kèm: *Bản sao hợp lệ Chứng chỉ hành nghề chứng khoán quốc tế (nếu có)*

....., ngày..... tháng..... năm.....

TM. THÀNH VIÊN SÁNG LẬP/
TÊN CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03. Giấy đề nghị cấp giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP
NỀN TẢNG HUY ĐỘNG VỐN CỘNG ĐỒNG

Kính gửi: Cơ quan điều hành

Chúng tôi là:

- Công ty…… (tên bằng tiếng Việt, tên bằng tiếng Anh, tên viết tắt ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:..... do…… cấp ngày... tháng... năm....

- Vốn điều lệ:.……...……...…

- Vốn chủ sở hữu:.…….....

- Địa chỉ trụ sở chính:…….....

- Điện thoại:…….....Website:…….....

- Thông tin về người quản lý doanh nghiệp của tổ chức đăng ký (ghi rõ họ và tên; chức danh; số định danh cá nhân[1]/số hộ chiếu[2]; ngày, tháng, năm sinh).

- Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký (thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải).

Căn cứ các điều kiện cung cấpnền tảng huy động vốn cộng đồng theo quy định pháp luật, chúng tôi nhận thấy Công ty đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

Đề nghị Cơ quan điều hành xem xét cấp Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng.

---

[1] Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam hoặc người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân.

[2] Đối với người nước ngoài chưa được cấp số định danh cá nhân.

Chúng tôi bảo đảm các thông tin trên đây và các thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động kinh doanh và cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng.

Hồ sơ kèm theo:	**TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ**
(Liệt kê các tài liệu kèm theo)	*(Người đại diện theo pháp luật)*
	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04. Giấy đăng ký huy động vốn cộng đồng

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐĂNG KÝ
HUY ĐỘNG VỐN CỘNG ĐỒNG
(Tên tổ chức nền tảng huy động vốn cộng đồng)

Kính gửi:…….

I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Tên công ty:…….....

2. Địa chỉ trụ sở chính:…….....

3. Điện thoại: …….. Fax:……Website:…….....

4. Nơi mở tài khoản thanh toán:…….. Số hiệu tài khoản:…….…

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp….. do Sở Kế hoạch và Đầu tư… cấp lần đầu ngày…, cấp thay đổi lần thứ… ngày… (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).

- Ngành nghề kinh doanh chính:…… Mã ngành:……..

- Sản phẩm/dịch vụ chính: ……....…

6. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)

7. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành:…….....

II. MỤC ĐÍCH HUY ĐỘNG VỐN CỘNG ĐỒNG

III. SỐ LƯỢNG VỐN HUY ĐỘNG

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT HUY ĐỘNG

(Nêu phương án sử dụng, tiến độ dự kiến sử dụng vốn thu được từ đợt huy động vốn và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

Hồ sơ kèm theo:
(Liệt kê các tài liệu kèm theo)

..., ngày… tháng… năm…
TÊN CÔNG TY
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05. Bản thuyết minh cơ sở vật chất

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT

I. GIỚI THIỆU CHUNG

- Tên tổ chức đăng ký (*Ghi bằng chữ in hoa*):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Số điện thoại:.....; Website:.....

II. THUYẾT MINH CHI TIẾT

1. Diện tích, bố trí mặt bằng trụ sở làm việc

a) Tổng diện tích:.....

b) Bố trí phòng ban, mặt bằng giao dịch: (*Liệt kê diện tích cụ thể*)

- .....
- .....

2. Cơ sở vật chất:

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
I	Hệ thống trang thiết bị văn phòng		
1	....		
2	....		
...			
II	Hệ thống phục vụ cho nền tảng huy động vốn cộng đồng		
1	....		
2	...		
...			

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
III	Hệ thống phục vụ hoạt động quản lý tài sản khách hàng		
1	...		
2	...		
...			
IV	Hệ thống lưu trữ thông tin, cơ sở dữ liệu, lịch sử giao dịch		
1	....		
2	....		
...			
V	Hệ thống an ninh, bảo mật thông tin		
1	....		
2	...		
...			
VI	Hệ thống khác		
1	....		
2	...		
...			

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực đối với những nội dung trên.

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06. Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng

CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…./GP-BTC	*Hà Nội, ngày… tháng… năm…*

GIẤY PHÉP
Cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng

… CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ Nghị định về việc thành lập Trung tâm tài chính quốc tế;

*Xét Giấy đề nghị cấp giấy phép cung cấp*nền tảng huy động vốn cộng đồng *ngày ... tháng ... năm ... và hồ sơ cấp Giấy phép cung cấp* nền tảng huy động vốn cộng đồng *của [tên tổ chức cung cấp tài sản mã hóa];*

Theo đề nghị của ... Cơ quan điều hành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng cho:

CÔNG TY.....

- Tên tiếng Anh:.....

- Tên viết tắt:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... Website:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp..... số..... do..... cấp ngày.... tháng..... năm.....;

- Vốn điều lệ:..... (.....*đồng chẵn)*

Điều 2. Công ty..... được phép thực hiện các dịch vụ, hoạt động sau đây:

1. Tổ chức nền tảng huy động vốn cộng đồng.

2. Tư vấn hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Quản lý sổ cổ đông của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 3. Trong quá trình hoạt động, Công ty..... phải tuân thủ pháp luật tại trung tâm tài chính quốc tế về huy động vốn thông qua nền tảng huy động vốn, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm ...

Điều 5. Giấy phép này được lập thành bốn (04) bản gốc; một (01) bản cấp cho Công ty.....; một (01) bản lưu tại Cơ quan điều hành; một (01) bản gửi cho Bộ Công an; một (01) bản gửi cho Cơ quan giám sát.

TL. CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07. Giấy đề nghị thu hồi giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP NỀN TẢNG HUY ĐỘNG VỐN CỘNG ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
THU HỒI GIẤY PHÉP
CUNG CẤP NỀN TẢNG HUY ĐỘNG VỐN CỘNG ĐỒNG

Kính gửi: Cơ quan điều hành

Chúng tôi là:

- Tên tổ chức cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng (*tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa*)

- Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng số:……. do Cơ quan điều hành cấp ngày……. tháng……. năm……

Đề nghị Cơ quan điều hành chấp thuận cho công ty được điều chỉnh, thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng như sau:

I. Đề nghị thu hồi Giấy phép cung cấp nền tảng huy động vốn cộng đồng

Lý do đề nghị thu hồi:…….....….

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu trên và hồ sơ gửi kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm: (Liệt kê đầy đủ theo từng trường hợp)	**TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ** *(Người đại diện theo pháp luật)* *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 08. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…… tháng…… năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi:……..

Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ [nêu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan];

Chúng tôi (sau đây gọi là nhà đầu tư) đề nghị [tên cơ quan cấp phép] cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho [tên doanh nghiệp bảo hiểm doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm dự kiến được thành lập], cụ thể như sau:

I. Các thông tin về nhà đầu tư

Tên và địa chỉ của nhà đầu tư/sáng lập viên công ty:

- Tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ;
- Ngày, tháng, năm thành lập, số Giấy phép/quyết định thành lập;
- Họ tên, chức vụ của người đại diện cho doanh nghiệp, tổ chức đó.

II. Các thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/ doanh nghiệp môi giới bảo hiểm dự kiến được thành lập

1. Tên đầy đủ, tên viết tắt và tên giao dịch:
2. Hình thức pháp lý:
3. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, số điện thoại, fax:
4. Tên và địa chỉ người đại diện theo pháp luật:
5. Lĩnh vực kinh doanh:
6. Phạm vi hoạt động:
7. Địa bàn hoạt động:
8. Đối tượng khách hàng:

9. Vốn điều lệ:

- Số lượng vốn (bằng số):
- Số lượng vốn (bằng chữ):
- Tỷ lệ góp vốn:
- Nguồn vốn:

10. Thời hạn hoạt động:

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác và phù hợp với quy định pháp luật đối với hồ sơ đề nghị và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến kinh doanh bảo hiểm và các quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động.

Hồ sơ kèm theo:	**TM. NHÀ ĐẦU TƯ**
- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo.	*(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 09. Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Số:...../GP/KDBH

Ngày:

Cấp tại:

Nơi cấp:

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP/KDBH	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm…*

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ [nêu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan];

Xét đơn và hồ sơ ngày... tháng.... năm... của nhà đầu tư xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động [tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm dự kiến được thành lập];

Theo đề nghị của [tên của bộ phận thẩm định cấp phép].

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/ doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Cho phép **[**Tên nhà đầu tư/sáng lập viên công ty**]**

- Tên và địa chỉ giao dịch;

- Ngày, tháng, năm thành lập, số Giấy phép/quyết định thành lập;

- Họ tên, chức vụ của người đại diện cho doanh nghiệp, tổ chức đó.

được thành lập [tên đầy đủ, tên viết tắt và tên giao dịch bằng tiếng Anh; địa chỉ giao dịch; tư cách pháp lý của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] để kinh doanh bảo hiểm/tái bảo hiểm/nhượng tái bảo hiểm/môi giới bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, các quy định pháp luật khác về Trung tâm tài chính quốc tế và các quy định tại Giấy phép này.

Điều 2. Vốn

Vốn điều lệ của [tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] là:..... (nêu bằng số và bằng chữ), trong đó:

Tên nhà đầu tư	Số vốn góp tính bằng tiền	Tỷ lệ %

Điều 3. Lĩnh vực, nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động

[Tên của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh sau:

1. Lĩnh vực kinh doanh:

2. Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

[Kinh doanh bảo hiểm]:

[Kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm]:

[Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật]:

[Hoạt động môi giới bảo hiểm]:

3.Địa bàn hoạt động:

4. Đối tượng khách hàng:

Điều 4. Thời hạn hoạt động

[Tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] được phép hoạt động trong thời hạn [số năm] năm.

Điều 5. Điều kiện hoạt động

Trong quá trình hoạt động, [tên của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] phải tuân thủ pháp luật, các quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động, Điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 6. Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép thành lập và hoạt động này có hiệu lực từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, [tên của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] phải hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động theo quy định của pháp luật và phải thông báo kết quả tiến hành các thủ tục trên cho [tên cơ quan cấp phép].

Điều 7. Cấp Giấy phép

Giấy phép thành lập và hoạt động này được lập thành 06 bản chính: 1 bản cấp cho [tên của doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]; 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép; 01 bản gửi cho nhà đầu tư; 01 bản gửi cho Cơ quan giám sát; 01 bản gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh.